

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 84/2020/HNST ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trần Thị B, sinh năm 1993.
- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Số Y Đường X, Tổ A, Khu phố B, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân phường phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/5/2014).

Ngày 10/02/2020, bà B và ông S nộp Đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 7 công nhận việc thuận tình ly hôn.

Đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cả hai nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét tình cảm giữa bà B và ông S không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của bà B và ông S là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung:

Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn S xác định có 02 người con chung là Nguyễn Văn K (nam), sinh ngày 19/02/2015 và Nguyễn Thị N (nữ), sinh ngày 27/10/2017.

Các đương sự thỏa thuận sau khi ly hôn, ông S là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ K, bà B là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ N. Không bên nào cấp dưỡng bên nào.

Việc thỏa thuận nuôi con giữa bà B và ông S là tự nguyện và phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn S xác định không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn S xác định không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn S phải chịu lệ phí theo quy định pháp luật lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn S thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/5/2014 không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn S xác định có 02 người con chung là Nguyễn Văn K (nam), sinh ngày 19/02/2015 và Nguyễn Thị N (nữ), sinh ngày 27/10/2017.

Các đương sự thỏa thuận sau khi ly hôn, ông S là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ K, bà B là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ N. Không bên nào cấp dưỡng bên nào.

Ông S và bà B có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn S xác định không có.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn S xác định không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn S chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0032257 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy bà B và ông S đã đóng đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM; (1)
- VKSND Quận 7; (2)
- Chi cục THADS Quận 7; (1)
- Các đương sự; (2)
- UBND Phường P, Quận 7; (1)
- Lưu: VT, HS. (Thúy) (3)

THẨM PHÁN

Nguyễn Hồng Thanh